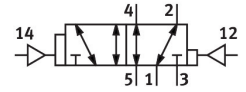


Van khí
JD-5/2-D-2-C-EX
Số bộ phận: 536017

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/2 lưỡng ổn chiếm ưu thế
Kiểu vận hành	khí nén
Chiều rộng lắp đặt	54 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	2300 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1 G3/8
Áp suất vận hành	-0.09 MPA...1.6 MPA -0.9 bar...16 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pit tông
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-10°C ≤ Ta ≤ +60°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)
Chiều rộng định mức	11.5 mm
Kích thước lưỡi	56 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 5599-1
Nút ghi đè	không
Mã ISO	203
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Hướng dòng chảy	có thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chồng dương
Áp suất điều khiển	2 bar...16 bar
Thời gian chuyển đổi lúc	8 ms
Chuyển đổi thời gian xung quanh (chiếm ưu thế)	8 ms

Đặc tính	Giá trị
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Mức áp suất âm thanh	85 dB(A)
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	550 g
Kiểu gắn	trên tấm kết nối với lỗ thông và vít
Cổng nối khí điều khiển 12	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí điều khiển 14	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 1	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 2	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 3	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 4	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 5	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	HNBR NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực